

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **21/2022/DS-ST**

Ngày 12-4-2022

“Về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Sự.

2. Ông Hà Quang Thịnh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “*Kiến tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 31/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS, ngày 24/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS, ngày 22/02/2022 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 02/TB-TA ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1947.

(Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982).

Cùng địa chỉ: Thôn 3 Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà C có mặt; Anh C có mặt tại phiên tòa ở phần thủ tục và phần tranh tụng nhưng vắng mặt không có lý do khi tuyên án).

- Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1957.

Nơi ĐKKHKT: TDP C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở: TDP T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1934.

(Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1970)

Cùng địa chỉ: Thôn 3 Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Ông Đặng Ngọc N, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn 3 Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1940.

(Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1972)

Cùng địa chỉ: Thôn Đồng Q, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

4. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1930.

(Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1969)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

5. Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

6. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

7. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

8. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

9. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

10. UBND xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Minh T, chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

(Bà X, bà T, bà H đều có mặt tại phiên tòa; Ông P, bà X có mặt tại phiên tòa ở phần thủ tục và phần tranh tụng nhưng vắng mặt không có lý do khi tuyên án; Ông Đ, ông N, bà B, bà H, bà N, bà H, ông T, ông T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY:

**** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị C trình bày:***

Bà là cô của bà Đặng Thị T (mẹ đẻ bà là bà Đặng Thị T là em gái của ông nội bà T là ông Đặng Viết V). Từ trước đến nay, các bên không có mâu thuẫn hay nợ nần tài sản gì với nhau.

Năm 1953 bố mẹ đẻ bà là bà Đặng Thị T (đã chết) và ông Hoàng Văn L (đã chết) trực tiếp khai phá được diện tích đất tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Năm 1954 khi đó bà được 07 tuổi thì bà có ở cùng bố mẹ bà tại diện tích đất này từ đó cho đến nay. Năm 1975 mẹ đẻ bà T là bà Hoàng Thị P trực tiếp hỏi mẹ bà về việc cho bà P mượn một diện tích đất của bố mẹ bà để nhà bà P làm giếng nước ăn, vì diện tích đất nhà bà P ở phía bên dưới thấp hơn mặt đường đi nên không làm giếng nước ăn được nên mẹ bà nhất trí. Khi bà P hỏi mượn diện tích đất các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập giấy tờ văn bản gì, cũng không tiến hành đo vẽ cụ thể nên không xác định được diện tích cụ thể là bao nhiêu. Khi đó chỉ có mẹ bà, bà P và anh trai bà là ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1934, hiện đang sinh sống tại thôn 3 Đ, xã N, huyện H chứng kiến, ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Từ năm 1975 đến năm 1997 bà P và chồng là ông Đặng Viết T là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất mượn của gia đình bà nêu trên và có đào 01 giếng nước (hiện nay đã bị lấp đất không còn giếng nữa). Năm 1997 bà có hỏi bà P và ông Đặng Viết T (đã chết năm 1999) lấy lại diện tích đất cho mượn này nhưng ông T không nhất trí trả, bà P trao đổi lại với bà là muốn tiếp tục mượn lại diện tích đất này để sử dụng, khi nào vợ chồng ông bà T P chết thì sẽ trả lại đất cho bà. Bà nhất trí tiếp tục cho bà P mượn diện tích đất này. Năm 2010 bà P chết, con gái bà P là bà Hoàng Thị

T là người quản lý, sử dụng diện tích đất này. Năm 2019 bà T chặt cây Xà cừ cạnh giếng nước (khi đầy giếng nước đã bị lấp không sử dụng nữa). Bà xác định diện tích đất này là của bố mẹ bà khai phá, mẹ bà cho bà P mượn để sử dụng, nay bà P chết thì các con bà P có trách nhiệm trả lại cho bà, nhưng bà T lại xác định đây là diện tích đất của gia đình bà T nên các bên xảy ra tranh chấp. Bà đã làm đơn đề nghị thôn 3 Đồng Ca và UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên giải quyết nhưng không thành. Đối với diện tích đất nêu trên bà đã làm thủ tục kê khai xin cấp GCNQSD đất được thể hiện trên hồ sơ địa chính xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05 thuộc thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục nhưng hiện nay vẫn chưa được cấp GCNQSD đất.

Đối với kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do Toà án phối hợp cùng Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá tài sản tiến hành ngày 10/8/2021, bà hoàn toàn nhất trí và không có bất cứ ý kiến gì. Đối với chi phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí cấp mảnh trích đo địa chính đối với diện tích đất tranh chấp do Công ty TNHH MTV dịch vụ tài nguyên môi trường Hà Tuyên thực hiện ngày 10/8/2021 với tổng chi phí là 4.260.000 đồng, bà đã nộp toàn bộ số tiền trên nên bà đề nghị HĐXX buộc bà Đặng Thị T có trách nhiệm phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà.

Tại phiên toà, bà Hoàng Thị C đề nghị HĐXX giải quyết buộc bà Đặng Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà tổng diện tích đất 63,1m² là đất trồng cây hàng năm và bà T có trách nhiệm di dời toàn bộ số cây trồng trên đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05 thuộc thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để trả lại đất cho bà. Ngoài nội dung trên, bà không yêu cầu HĐXX giải quyết nội dung gì khác.

**** Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị C là anh Nguyễn Văn C trình bày:***

Anh là con trai bà Hoàng Thị Ch, anh được bà Hoàng Thị C uỷ quyền tham gia tố tụng tại Toà án. Anh hoàn toàn nhất trí với các nội dung do bà Hoàng Thị C trình bày nêu trên và anh không trình bày bổ sung thêm nội dung gì khác.

**** Theo nội dung đơn đề nghị, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn bà Đặng Thị T trình bày:***

Bà gọi bà Hoàng Thị C là cô họ (vì mẹ đẻ của bà C là em cô của ông nội bà). Từ trước đến nay các bên không có mâu thuẫn hay nợ nần tài sản gì với nhau cho đến khi xảy ra tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất hiện nay bà Hoàng Thị C đang khởi kiện bà tại Tòa án.

Về nguồn gốc diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp giữa bà Hoàng Thị C với bà là do ông nội bà là ông Đặng Viết V (đã chết năm 1969) trực tiếp khai phá từ lâu (bà không nhớ thời gian nào), diện tích đất khai phá khoảng 2.000m² tại khu vực Cháy Cáy thuộc thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình sử dụng diện tích đất ông V có cho em cô là bà Đặng Thị T (đã chết - là mẹ bà C) một phần diện tích đất khoảng 400m² đủ để làm ngôi nhà hiện nay bà C đang quản lý và sử dụng; một phần diện tích đất ông V cho con trai là ông Đặng Viết Á (đã

chết năm 2010) sử dụng, diện tích đất của ông Á hiện nay bà C đang quản lý, sử dụng và một phần diện tích đất còn lại gia đình bà trực tiếp sử dụng trồng cây mía, cây xà cừ, cây dong, cây chè... Toàn bộ diện tích đất do ông V khai phá này chưa làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo bà biết thì hàng năm bố bà là Đặng Viết T đều đóng thuế đất đối với diện tích đất nêu trên nhưng hiện nay gia đình bà không còn lưu giữ được giấy tờ gì cung cấp cho Tòa án.

Năm 1974 bà đi học cấp 3 có xin được 03 cây xà cừ về cho bố bà là ông Đặng Viết T (đã chết năm 1999) trồng trên diện tích đất của gia đình nhưng đã bị chết mất 02 cây, chỉ còn lại 01 cây xà cừ sống trên khu vực vị trí đất đang tranh chấp. Năm 2019 do cây xà cừ đã rất to và bị chết nên bà đã làm thủ tục xin UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên cho khai thác lấy gỗ cây xà cừ nêu trên. Năm 1977-1978 bố bà và các con trong gia đình trực tiếp đào 01 cái giếng nước để lấy nước ăn. Năm 1996 bố mẹ bà chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Xuân H và ông Nguyễn Duy Á một diện tích đất khoảng 300m² (bao gồm cả 01 cái giếng) nhưng không lập văn bản giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Việc chuyển nhượng đất đã xong, các bên không còn bất cứ vướng mắc gì. Phần diện tích đất khai phá còn lại gia đình bà sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Bà sinh ra và lớn lên ở cùng bố mẹ đẻ bà tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục đến năm 1985 bà mới chuyển ra thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên sinh sống từ đó cho đến nay. Từ khi bố mẹ bà chết đến nay thì em gái bà là bà Đặng Thị T, sinh năm 1969, địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện H là người trực tiếp quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất do bố mẹ bà để lại. Năm 2019 bà là người đại diện cho các anh chị em bà đứng ra làm thủ tục tại UBND xã Nhân Mục để khai thác 01 cây xà cừ của gia đình bà thì bà C nói diện tích trồng cây xà cừ là đất của nhà bà C. Năm 2013 gia đình bà trực tiếp cắm 03 cột bê tông phân định ranh giới giữa đất nhà bà với phần diện tích đất nhà bà C, hiện nay đã đổ đất lên nhưng vẫn còn cột bê tông. Bên gia đình bà C cũng trồng hàng cây xoan để phân định ranh giới giữa hai bên. Sau khi bà khai thác cây xà cừ thì bà C còn nhờ bà chặt hộ hàng cây xoan này đi, hiện nay các gốc cây xoan vẫn còn.

Đối với kết quả thẩm định tài sản và định giá tài sản do Hội đồng thẩm định tài sản và Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành ngày 10/8/2021, bà hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì. Đối với chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí cấp mảnh trích đo địa chính đối với diện tích đất tranh chấp do Công ty TNHH MTV dịch vụ tài nguyên môi trường Hà Tuyên thực hiện ngày 10/8/2021 với tổng chi phí là 4.260.000 đồng, bà không nhất trí hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà C vì bà xác định toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình bà, không phải là diện tích đất của gia đình bà C.

Tại phiên tòa, bà không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà có trách nhiệm trả lại diện tích đất 63,1m² là đất trồng cây hàng năm và buộc bà phải di dời toàn bộ số cây trồng trên đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05 thuộc thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để trả lại

đất cho bà C. Lý do bà không nhất trí vì bà xác định diện tích đất này là của bố mẹ bà để lại cho bà và các anh chị em của bà, đây không phải diện tích đất của nhà bà C. Ngoài ra, bà không yêu cầu HĐXX giải quyết nội dung gì khác.

**** Theo nội dung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị X, bà Đặng Thị X, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị H; Tại biên bản lấy lời khai ông Đặng Ngọc N; Tại bản tự khai ông Đặng Ngọc T, cùng trình bày nội dung:***

Chúng tôi là anh chị em gái ruột của bà Đặng Thị T. Chúng tôi gọi bà Hoàng Thị C là cô họ (vì mẹ đẻ của bà C là em cô của ông nội chúng tôi). Từ trước đến nay các bên không có mâu thuẫn hay nợ nần tài sản gì với nhau cho đến khi xảy ra tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất hiện nay bà Hoàng Thị C đang khởi kiện bà Đặng Thị T tại Tòa án.

Về nguồn gốc diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp giữa bà Hoàng Thị C với bà Đặng Thị T là do ông nội chúng tôi là ông Đặng Viết V (đã chết năm 1969) và bố đẻ chúng tôi là Đặng Viết T (đã chết năm 1999) trực tiếp khai phá từ lâu (chúng tôi không nhớ thời gian nào), diện tích đất khai phá khoảng 2.000m² tại khu vực Cháy Cáy thuộc thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Toàn bộ diện tích đất ông V và ông T khai phá này đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hàng năm bố chúng tôi là ông Đặng Viết T là người trực tiếp đóng tiền thuế đối với diện tích đất nêu trên

Từ khi bố mẹ chúng tôi chết (mẹ chúng tôi chết năm 2010) đến nay, bố mẹ chúng tôi không để lại di chúc và chúng tôi cũng chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Vì vậy, bà Đặng Thị T là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này. Nay chúng tôi xác định diện tích đất tranh chấp giữa bà C với bà T là diện tích đất của gia đình chúng tôi, do bố chúng tôi và ông nội chúng tôi trực tiếp khai phá, không phải là diện tích đất của gia đình bà C. Chúng tôi không nhất trí trả lại diện tích đất và di dời số cây trồng trên đất theo yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C. Trong trường hợp Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị C và giao diện tích đất tranh chấp cho bà Đặng Thị T thì chúng tôi không yêu cầu Tòa án chia phần diện tích đất cho chúng tôi, chúng tôi nhất trí để cho bà Đặng Thị T tiếp tục sử dụng, quản lý đối với toàn bộ diện tích đất này. Ngoài ra, chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì khác.

**** Tại Biên bản lấy lời khai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Đ, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị N cùng trình bày:***

Chúng tôi là anh chị em ruột của bà Hoàng Thị C. Chúng tôi với bà Đặng Thị T từ trước đến nay không có mâu thuẫn hay nợ nần tài sản gì với nhau cho đến khi xảy ra tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất hiện nay bà Hoàng Thị C đang khởi kiện bà Đặng Thị T tại Tòa án.

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp hiện nay giữa bà C với bà T do năm 1953 bố mẹ đẻ chúng tôi là bà Đặng Thị T (đã chết) và ông Hoàng Văn L (đã chết) trực tiếp khai phá được diện tích đất tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm

Yên, tỉnh Tuyên Quang. Tổng diện tích đất bố mẹ chúng tôi khai phá là bao nhiêu thì chúng tôi không xác định được vì không đo đạc thực tế. Chúng tôi chỉ nghe nói chuyện lại năm 1975 mẹ đẻ bà T là bà Hoàng Thị P trực tiếp hỏi mẹ chúng tôi là bà Đặng Thị T về việc cho bà P mượn một diện tích đất của bố mẹ chúng tôi để nhà bà P làm giếng nước ăn, vì diện tích đất nhà bà P ở phía bên dưới thấp hơn mặt đường đi nên không làm giếng nước ăn được nên mẹ chúng tôi nhất trí. Khi bà P hỏi mượn diện tích đất các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập giấy tờ văn bản gì, cùng không tiến hành đo vẽ cụ thể nên không xác định được diện tích cụ thể là bao nhiêu. Từ đó đến nay bà P chưa trả lại diện tích đất đã mượn này cho gia đình chúng tôi. Từ sau khi bố mẹ chúng tôi chết đến nay, bà C là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất này và xảy ra tranh chấp với bà T. Khi bố mẹ chúng tôi chết không để lại di chúc và gia đình chúng tôi cũng chưa tiến hành việc phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất này. Chúng tôi xác định diện tích đất đang tranh chấp trên là đất của gia đình chúng tôi. Hiện nay chúng tôi không tranh chấp, không yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất này đối với bà C và cùng nhất trí để bà C tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Ngoài nội dung trên, chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung gì khác.

*** *Tại bản tự khai và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ là ông Hoàng Văn P trình bày:***

Ông là con trai ông Hoàng Văn Đ. Ông được ông Hoàng Văn Đ uỷ quyền toàn bộ tham gia tố tụng tại Toà án, ông có toàn quyền quyết định mọi nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án. Ông hoàn toàn nhất trí với các nội dung do ông Đ và bà C đã trình bày nêu trên và không trình bày bổ sung thêm nội dung gì khác. Ông đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** *Theo Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên (Do ông Vương Minh T - Chủ tịch UBND xã) trình bày:***

Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Hoàng Thị C với bà Đặng Thị T cụ thể như thế nào thì UBND xã Nhân Mục không nắm được, do trong sổ địa chính đất đai lưu giữ tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên không ghi cụ thể nguồn gốc sử dụng diện tích đất của gia đình bà Hoàng Thị C. Năm 2019 khi gia đình bà C và gia đình bà T xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất, UBND xã Nhân Mục đã nhiều lần hoà giải tại cơ sở nhưng đều không thành. Phần diện tích đất tranh chấp này được xác định là 63,1m² là đất trồng cây hàng năm tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào. Trong diện tích đất đang có tranh chấp (63,1m²) giữa bà Hoàng Thị C với bà Đặng Thị T thì có 50,0m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ. Đối với diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ thì người dân có quyền được sử dụng diện tích đất trên nhưng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ. Quan điểm của địa phương là đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ đương sự cung cấp cho Tòa án:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị C cung cấp: Bản sao Biên bản hòa giải tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang ngày 16/10/2020; Giấy chứng nhận nhận chứng đề ngày 11/11/2019; Bản sao Biên bản làm việc hòa giải giải quyết đơn thư ngày 16/10/2019; Bản sao Biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất ngày 07/6/2019; 12 Bản phô tô Biên lai thu thế nhà, đất; Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu đều là bản sao.

- Bị đơn bà Đặng Thị T cung cấp: Đơn đề nghị đề ngày 29/3/2021; Đơn đề nghị đề ngày 01/4/2019 là bản phô tô; Đơn xin khai thác gỗ trồng phân tán đề ngày 30/3/2019 là bản phô tô; Biên bản kiểm tra khai thác lâm sản đề ngày 19/4/2019 là bản phô tô; Bản kê lâm sản ngày 18/4/2019 là bản phô tô; Giấy xác nhận không ghi ngày tháng năm là bản phô tô và 03 Biên bản xác minh về nguồn gốc cây Xà cừ tại xóm Cháy Cây tháng 4/2019 là bản phô tô.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Ngoài ra các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Toà án tiến hành xác minh tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên và UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên được cung cấp thông tin:

Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Hoàng Thị C và bà Đặng Thị T: Qua kiểm tra Sổ mục kê đất đai quyền số 01 (không ghi thời gian vào sổ, không ghi số trang) lưu tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên thể hiện: Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05 không thể hiện, không ghi thông tin của người sử dụng đất, diện tích đất, đối tượng, mục đích sử dụng đất (sổ đều để trống, không có bất cứ thông tin gì). Qua kiểm tra Bản đồ giải thửa 299 xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên thể hiện: Tại tờ bản đồ số 05 can in tháng 7/2003 do người can in là Thu Hiền - Bản đồ can in tại Sở Địa chính theo kết quả dồn điền đổi thửa và chỉnh lý biến động năm 2002, kiểm tra tháng 8/2013 với tỷ lệ 1/1.000 thể hiện thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05, diện tích 828m² thuộc thôn Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, diện tích 828m² đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Toà án tiến hành đo vẽ, thẩm định, định giá tài sản các bên đang tranh chấp. Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào:

+ Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản gắn liền với đất bị Nhà nước thu hồi.

+ Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Kết quả định giá tài sản cụ thể như sau:

- Về cây trồng trên diện tích đất đang tranh chấp bao gồm: 10 cây tre gai (do gia đình bà Hoàng Thị C trồng) và diện tích 4,0m² trồng cây nghệ (do gia đình bà Đặng Thị T trồng) có tổng giá trị là 118.000 đồng (Một trăm mười tám nghìn đồng).

- Về diện tích đất: Diện tích đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị C với bị đơn bà Đặng Thị T được xác định là đất trồng cây hàng năm thuộc khu vực II, vị trí 1 tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích là 63,1m², có giá trị: 63,1m² x 35.000 đồng/m² = 2.208.500 đồng (Hai triệu hai trăm linh tám nghìn năm trăm đồng).

Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang báo hòa giải cho các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Tuy nhiên các đương sự đều không tự thỏa thuận được với nhau và cùng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành quy định pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Tuy nhiên một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt do nhiều lần Tòa án báo gọi nhưng không đến làm việc và không đến tham gia phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 4, 5, 8, 12, 17, 23, 100, 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 158, 163, 164, 166, 174, 175 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị C về việc yêu cầu bà Đặng Thị T có trách nhiệm trả lại diện tích đất theo kết quả đo vẽ, thẩm định tại chỗ có tổng diện tích là 63,1m² đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05 tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; Tạm giao cho bà Đặng Thị T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên và buộc bà Hoàng Thị C có trách nhiệm di dời toàn bộ số cây trồng trên diện tích đất tranh chấp (10 cây tre gai) để trả lại diện tích đất cho bà Đặng Thị T.

+ Về chi phí tố tụng: Đề nghị HĐXX tuyên bà Hoàng Thị C phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng bao gồm chi phí thẩm định tài sản, định giá tài sản và chi phí cấp mảnh trích đo địa chính đối với diện tích đất tranh chấp theo quy định pháp luật.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị C không được chấp nhận nên bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do bà C là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và bà C có đơn xin được miễn tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Đặng Thị T không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà Hoàng Thị C khởi kiện bị đơn bà Đặng Thị T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, địa điểm tranh chấp là diện tích đất tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Diện tích đất các bên đang tranh chấp được xác định là đất trồng cây hàng năm tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo kết quả đo vẽ, thẩm định tài sản và định giá tài sản có tổng diện tích là 63,1m². Nguyên đơn bà Hoàng Thị C xác định diện tích đất tranh chấp này là của bố mẹ bà trực tiếp khai phá và sử dụng từ năm 1953 đến nay; Bị đơn bà Đặng Thị T cũng xác định diện tích đất này là của ông nội bà là ông Đặng Viết V (đã chết năm 1969) trực tiếp khai phá từ lâu nhưng bà không nhớ cụ thể thời gian nào dẫn đến các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt quyền và nghĩa vụ của mình do nhiều lần Tòa án báo gọi nhưng không đến làm việc và không đến tham gia phiên tòa.

[4]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào kết quả xác minh và lời trình bày của các đương sự xác định:

- Về nguồn gốc diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp giữa bà Hoàng Thị C với bà Đặng Thị T thì chính quyền địa phương không xác định được do trong Sổ địa chính đất đai lưu giữ tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên không ghi cụ thể nguồn gốc sử dụng diện tích đất của gia đình bà Hoàng Thị C. Theo lời trình bày của bà C thì từ năm 1953 bố mẹ đẻ bà là bà Đặng Thị T (đã chết) và ông Hoàng Văn L (đã chết) trực tiếp khai phá được diện tích đất tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Năm 1975 mẹ đẻ bà T là bà Hoàng Thị P trực tiếp hỏi mẹ bà là bà Đặng Thị T về việc cho bà P mượn một diện tích đất để nhà bà P làm giếng nước ăn nên mẹ bà nhất trí. Khi bà P hỏi mượn diện tích đất các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập giấy tờ văn bản gì, cùng không tiến hành đo vẽ cụ

thể nên không xác định được diện tích cụ thể là bao nhiêu. Từ năm 1975 đến năm 1997 bà P và chồng là ông Đặng Viết T (đã chết năm 1999) là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này. Từ năm 2010 đến nay khi bà P chết thì bà Hoàng Thị T là người quản lý, sử dụng diện tích đất này dẫn đến các bên xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên bị đơn bà Đặng Thị T lại trình bày: Về nguồn gốc diện tích đất hiện nay các bên đang có tranh chấp là do ông nội bà là ông Đặng Viết V (đã chết năm 1969) trực tiếp khai phá từ lâu nhưng bà không nhớ cụ thể thời gian nào, diện tích đất khai phá khoảng 2.000m² tại khu vực Cháy Cáy thuộc thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình sử dụng diện tích đất ông V có cho em cô là bà Đặng Thị T (đã chết - là mẹ bà C) một phần diện tích đất khoảng 400m² đủ để làm ngôi nhà hiện nay bà C đang quản lý và sử dụng; một phần diện tích đất ông V cho con trai là ông Đặng Viết Á (đã chết năm 2010) sử dụng, diện tích đất của ông Á hiện nay bà C đang quản lý, sử dụng và một phần diện tích đất còn lại gia đình bà trực tiếp sử dụng. Mặc dù các bên trình bày không thống nhất, không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất nhưng các bên đều thừa nhận toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp hiện nay chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình Tòa án xác minh, kiểm tra Sổ mục kê đất đai lưu tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên thể hiện: Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05 không thể hiện, không ghi thông tin của người sử dụng đất, diện tích đất, đối tượng, mục đích sử dụng đất. Qua kiểm tra Bản đồ giải thửa 299 xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên thể hiện: Tại tờ bản đồ số 05 can in tháng 7/2003 thể hiện thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05, diện tích 828m² thuộc thôn Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

- Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thực địa diện tích đất đang tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà C không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh nguồn gốc, quá trình khai phá diện tích đất đang tranh chấp; bà C xác định diện tích đất tranh chấp trên chưa được cấp giấy chứng nhận cho gia đình bà hoặc cho bất cứ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào. Theo lời trình bày của bà C thì năm 1975 mẹ đẻ bà T là bà Hoàng Thị P trực tiếp hỏi mẹ bà về việc cho mượn một diện tích đất của bố mẹ bà khai phá để nhà bà P làm giếng nước ăn, nhưng việc hỏi mượn diện tích đất các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập giấy tờ văn bản gì, cũng không tiến hành đo vẽ cụ thể nên bà không xác định được diện tích là bao nhiêu, tại vị trí cụ thể nào. Mặt khác qua kiểm tra Sổ mục kê đất đai lưu tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên thể hiện thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05 (trong đó có diện tích đất 63,1m² đang tranh chấp) không thể hiện, không ghi thông tin của người sử dụng đất, diện tích đất, đối tượng, mục đích sử dụng đất (mọi thông tin đều để trống không ghi nội dung gì liên quan đến việc gia đình bà C làm thủ tục kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp nêu trên) nên không thể xác định đây là diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà C. Mặt khác thực tế quá trình sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà C với bà T xác định từ khoảng năm 1975 đến nay diện tích đất trên do gia đình bà T

trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, gia đình bà T có trồng cây và công trình trên đất là cây Xà cừ và giếng nước được các bên công nhận, năm 2019 gia đình bà T làm thủ tục khai thác cây Xà cừ có xác nhận của các hộ dân sinh sống gần đây xác định cây Xà cừ do ông Đặng Viết T (là bố đẻ bà T) trồng, khi làm thủ tục và khai thác cây, diện tích đất và tài sản trên đất không có tranh chấp, sau thời điểm bà T khai thác cây Xà cừ xong thì mới xảy ra tranh chấp. Ngoài ra, theo xác nhận của bà Bùi Thị Xuân H thì bà H có xác định năm 1996, để thẳng và vuông góc đất vườn, gia đình bà H có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Đặng Viết T, liền kề với cây Xà cừ với số tiền là 500.000 đồng, bà sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp với ai. Như vậy xác định toàn bộ diện tích đất đang có tranh chấp nêu trên giữa bà C với bà T thì từ năm 1975 đến nay vẫn thuộc quyền quản lý và sử dụng của gia đình bà Đặng Thị T.

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị C về việc yêu cầu bà Đặng Thị T phải trả lại cho bà C diện tích đất theo đo vẽ, thẩm định thực tế có diện tích là 63,1m² đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05 thuộc thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang là không có căn cứ và không được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C không được chấp nhận nên cần tạm giao cho bà Đặng Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 63,1m² nêu trên (trong tổng số 63,1m² đất bà Tiến được tạm giao có 50,0m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, bà Đặng Thị T được quyền sử dụng nhưng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ). Đồng thời cần buộc bà Hoàng Thị C có trách nhiệm di dời toàn bộ số cây trồng trên diện tích đất tranh chấp để trả lại diện tích đất cho bà Đặng Thị T.

[5]. Về chi phí tố tụng: Tại Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 21/7/2021 do bà Hoàng Thị C trực tiếp nộp tại Tòa án, bà C đã nộp tổng số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Bà Hoàng Thị C đã thanh toán các chi phí tố tụng bao gồm: Chi phí đo đạc, lập bản đồ trích đo địa chính thể hiện tại Hoá đơn giá trị gia tăng số hoá đơn 0000013 ngày 16/8/2021 của Công ty TNHH MTV dịch vụ tài nguyên môi trường Hà Tuyên với tổng số tiền là 1.560.143 đồng (Làm tròn số là 1.560.000 đồng); Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Tòa án đã chi phí cho Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá hết tổng số tiền là 2.700.000 đồng. Tổng số tiền chi phí tố tụng là 4.260.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*); Số tiền thừa còn lại là 5.740.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) Tòa án đã trả lại cho bà Hoàng Thị C. Tại phiên tòa, bà C xác định đã nhận đủ số tiền chi phí tố tụng do Tòa án trả lại và không có bất cứ ý kiến gì.

HĐXX xét thấy, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị C không được chấp nhận nên đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trích đo mảnh địa chính diện tích đất tranh chấp với tổng số tiền là 4.260.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) bà Hoàng Thị C phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng trên theo quy định.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị C không được chấp nhận nên bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do bà Hoàng Thị C là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và bà C có đơn xin được miễn tiền án phí nên bà C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn bà Đặng Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 4, 5, 8, 12, 17, 23, 100, 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 158, 163, 164, 166, 174, 175 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị C về việc yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị T có trách nhiệm trả lại diện tích đất cho bà Hoàng Thị C với tổng diện tích đất là 63,1m² tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

+ Tạm giao cho bà Đặng Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 63,1m² đất trồng cây hàng năm thuộc thửa số 122, tờ bản đồ số 05 tại thôn 3 Đồng Ca, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (trong tổng số 63,1m² đất bà Đặng Thị T được tạm giao nêu trên, có 50,0m² đất nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, bà Đặng Thị T được quyền sử dụng nhưng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ). Diện tích đất trên được giới hạn bởi các điểm nối liền liên tục là 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 như Sơ đồ đo vẽ, thẩm định do Công ty TNHH một thành viên dịch vụ tài nguyên môi trường Hà Tuyên thực hiện ngày 10/8/2021 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo không tách rời bản án).

+ Buộc bà Hoàng Thị C có trách nhiệm di dời (nếu không di dời thì phải phá bỏ) toàn bộ số cây trồng trên diện tích đất tranh chấp theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2021 gồm có 10 cây tre gai để trả lại diện tích đất cho bà Đặng Thị T.

2. Về chi phí tố tụng:

- Bà Hoàng Thị C phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản do Hội đồng thẩm định và định giá tài sản tiến hành là 2.700.000 đồng và tiền chi phí cho Công ty TNHH MTV dịch vụ tài nguyên môi trường Hà Tuyên thực hiện việc đo vẽ diện tích đất tranh chấp là 1.560.000 đồng, tổng số tiền chi phí tố tụng bà Hoàng Thị C phải chịu là 4.260.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*). Bà Hoàng Thị C đã nộp đủ số tiền trên được thể hiện tại Biên bản làm việc về thanh toán tiền

tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp ngày 31/12/2021 và tại Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000013, ngày 16/8/2021 của Công ty TNHH MTV dịch vụ tài nguyên môi trường Hà Tuyên.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị C được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi) theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Đặng Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhân Mục (Để biết);
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Tùng